TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HS-ST
Ngày: 01 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh Hiền;

Bà Nguyễn Thị Thanh Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm trực tiếp và trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại hai điểm cầu: Điểm cầu số 01: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười; Điểm cầu số 02: Nhà tạm giữ Công an huyện Tháp Mười.

* Tại điểm cầu Nhà tạm giữ Công an huyện Tháp Mười:

- Bị cáo:

Họ và tên: **Đoàn Ngọc T**, sinh ngày 28/7/1985, tại Đồng Tháp; nơi thường trú: Ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi ở hiện tại: Ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T (chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1954 (còn sống); gia đình có 03 chị em, bị cáo là con nhỏ nhất; tiền án: Có 02 tiền án. Ngày 29/4/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/11/2005. Đến ngày 13/10/2008 (chưa được xóa án tích) tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới. Ngày 24/9/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 năm tù về Tội hiếp dâm và

09 năm tù về Tội cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt là 21 năm tù. Chấp hành xong ngày 19/01/2023; tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 05/9/2003 bị Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đưa vào diện giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn 03 tháng kể từ ngày 05/9/2003 đến 05/12/2003; tạm giữ: ngày 07/7/2023; tạm giam: ngày 10/7/2023; Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tháp Mười (bị cáo có mặt có mặt tại điểm cầu nhà tạm giữ Công an huyện Tháp Mười).

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

1. Nguyễn Minh P – Hạ sĩ;

2. Dương Minh T – Binh Nhất.

* Tại điểm cầu Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười:

- *Bị hại:*

Nguyễn Mỹ D, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nguyễn Hồng L, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Đoàn Thị Kim Y, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Ấp 7A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người làm chứng:*

Đoàn Phòng T1, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt không có lý do).

Nguyễn Hữu N, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt không có lý do).

Lê Văn H, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 16/6/2023, sau khi uống rượu tại nhà ông Đoàn Văn H (chú họ của Thành) ở ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp xong, do không có tiền tiêu xài bị cáo Đoàn Ngọc T nảy sinh ý định đến nhà của ông Đoàn Phòng T1 (anh ruột của ông H) cùng ngụ ấp 4, xã L, huyện T tìm tài sản lấy trộm. T điều khiển xe mô tô biển số 59G1-397.13 đi trên tuyến đường nông thôn, khi còn cách nhà ông T1 khoảng 30m, T dựng xe cặp lề đường đi bộ đến nhà ông T1. T quan sát thấy cửa trước khóa nên đi bộ vòng ra phía sau thấy lối

vào nhà chỉ được che bằng tấm nylon nên lén lút đột nhập vào bên trong nhà. T đến giường ngủ của bà Nguyễn Mỹ D (vợ ông T1) quan sát thấy bà Du đang ngủ, bên cạnh có một điện thoại di động hiệu Oppo, màu đỏ nên lén lút lấy trộm điện thoại này cất vào túi quần. Tiếp tục T đến giường ngủ của chị Nguyễn Hồng L (con gái ông T1) quan sát thấy chị L đang ngủ, bên cạnh có một điện thoại di động hiệu Redmi Note 7, màu nho nên tiếp tục lén lút lấy trộm điện thoại này cầm trên tay. Lúc này, chị L thức giấc phát hiện nên truy hô, T cầm điện thoại ra ngoài lên xe bỏ chạy. Ông T1 nghe tiếng truy hô liền chạy đuổi theo T nhưng không đuổi kịp. Trên đường bỏ chạy T kiểm tra phát hiện bên trong ốp lưng điện thoại lấy trộm của chị L có số tiền 3.000.000 đồng (gồm 06 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng) nên lấy số tiền này cất vào trong túi quần bên trái, còn 02 chiếc điện thoại T cất vào trong túi quần bên phải.

Tiếp tục T điều khiển xe đến nhà anh Nguyễn Hữu N cùng ngụ tại ấp 4, xã L tìm tài sản để lấy trộm thì bị anh N phát hiện truy đuổi nên T lên xe bỏ chạy. Trong lúc bỏ chạy, T làm rơi 02 điện thoại vừa trộm được lại cạnh nhà anh N. Tiếp tục T điều khiển xe đến nhà ông Lê Văn H ngụ ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp lén lút vào bên trong tìm tài sản lấy trộm thì bị ông H phát hiện đuổi bắt. T bỏ chạy thoát để lại xe mô tô 59G1-397.13 tại nhà ông H.

Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, ông T1 trình báo sự việc đến Công an xã L, huyện T. Cơ quan Công an sau đó mời T làm việc thì T thừa nhận đã lấy trộm tài sản như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KLĐG ngày 13/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Tháp Mười, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đỏ, đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 800.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note, màu nho, đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 1.333.000 đồng. Tổng cộng 2.133.000 đồng.

Về vật chứng, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

Ông Đoàn Phòng T1 giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đỏ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note, màu nho, đã qua sử dụng. Xét không cần thiết tạm giữ, Cơ quan điều tra đã trao trả 02 điện thoại trên cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Mỹ D và chị Nguyễn Hồng L.

Ông Lê Văn H giao nộp: 01 xe mô tô loại Wave RS, màu xanh, biển số 59G1- 397.13 là phương tiện mà Thành sử dụng khi trộm cắp tài sản. Kết quả điều tra xác định xe này là của chị Đoàn Thị Kim Y (chị ruột bị cáo T), chị Y cho T mượn xe làm phương tiện đi lại hằng ngày. Sau đó T sử dụng làm phương tiện đi trộm tài sản chị Y không biết.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Mỹ D, chị Nguyễn Hồng L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm. Đối với số tiền 3.000.000 đồng chị L không yêu cầu bị cáo T bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Tại bản cáo trạng số: 70/CT-VKSTM ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định truy tố bị cáo Đoàn Ngọc T ra Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên, giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng, khẳng định việc truy tố trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo đã gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc thực hiện tội phạm, tiền án cùng nhân thân của bị cáo và quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị:

+ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Đoàn Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản";

+ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Ngọc T hình phạt từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Tòa án tuyên xử: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước xe mô tô loại Wave RS, màu xanh, biển số 59G1- 397.13.

- Bị cáo Đoàn Ngọc T đồng ý xét xử vắng mặt đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại Nguyễn Mỹ D, Nguyễn Hồng L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra, các bị hại đã nhận lại điện thoại. Đồng thời, đối với số tiền 3.000.000 đồng chị L không yêu cầu bị cáo T bồi thường nên không xem xét giải quyết, ngoài ra các bị hại không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị Kim Y vắng mặt không có lý do. Trong quá trình điều tra và truy tố, các cơ quan có thẩm quyền xác định khi cho bị cáo T mượn xe thì chị Y không biết mục đích bị cáo dùng vào việc phạm tội và quá trình ghi cung cấp lời khai thì chị Y trình bày xin nhận lại xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng. Tuy nhiên, xét thấy bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm, có đơn xin vắng mặt và không có yêu cầu gì trong vụ án này; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt và những người làm chứng vắng mặt không có lý do; tuy nhiên, đã có lời khai của những người này trong hồ sơ vụ án, nên không gây trở ngại cho việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, và Điều tra viên trong quá trình điều tra; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười và Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Đoàn Ngọc T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng với các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án và tại phần tranh luận bị cáo cũng thống nhất với lời luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ thể lực và trí lực nhận thức hành vi của mình; bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật mà vẫn thực hiện; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; tuy tổng giá trị tài sản mà bị cáo lấy trộm là 5.133.000 đồng nhưng do bị cáo thuộc trường hợp đã có hai tiền án và chưa được xóa án tích, nên xác định hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

"Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02

năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm.

...”

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của các bị hại một cách trái phép. Quyền sở hữu về tài sản là khách thể được Luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi trái phép xâm phạm đến, nhưng vì bản chất lười biếng, muốn mau chóng có tiền tiêu xài mà không phải bỏ ra công sức lao động hợp pháp, với ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo đã lợi dụng lợi dụng lúc đêm khuya và các bị hại có sở hở trong quản lý tài sản nên đột nhập vào nhà lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo của bà D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 cùng với số tiền 3000.000 đồng trong ốp lưng điện thoại của chị L. Hành vi này không những vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong việc quản lý, bảo vệ tài sản trong nhân dân. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như hôm nay là cần thiết, nên cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian phù hợp đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Tình tiết tăng nặng: Không có. Tuy nhiên, bị cáo có 02 tiền án và nhân thân không tốt, đã từng bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội.

[7] Cáo trạng số: 70/CT-VKSTM ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Đoàn Ngọc T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự để xử phạt đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại điện thoại bị mất trộm, ngoài ra không có yêu cầu gì khác trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Xét đối với xe mô tô loại Wave RS, màu xanh, biển số 59G1- 397.13 là phương tiện mà bị cáo sử dụng để trộm cắp tài sản. Kết quả điều tra xác định xe này là của chị Đoàn Thị Kim Y (chị ruột bị cáo), chị Y cho bị cáo Thành mượn xe làm phương tiện đi lại hằng ngày. Hội đồng

xét xử xét thấy việc chị Y giao xe cho T sử dụng thì trách nhiệm về việc sử dụng tài sản của T chị Y cũng phải gánh chịu theo, mà bị cáo T sử dụng xe này làm phương tiện phạm tội nên phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[10] Đối với chị Đoàn Thị Kim Y cho rằng không biết bị cáo mượn xe để vi phạm pháp luật nên yêu cầu được nhận lại là không có cơ sở để chấp nhận như đã phân tích trên.

[11] Về án phí: Bị cáo Đoàn Ngọc T bị kết tội, bị cáo không thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 11 và không thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Ngọc T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Xử phạt: Bị cáo Đoàn Ngọc T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/7/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RS, màu xanh, số máy: JC43E0854259, số khung: 4303AY049775, biển số đăng ký 59G1-397.13.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Đoàn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở tư pháp Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CQ CSĐT CA huyện Tháp Mười;
- CC THADS huyện Tháp Mười;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HSVA, VPTA (Linh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Kiến